

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1410/2023/DS-ST

Ngày: 26-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Ông Trần Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2157/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 232/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tòa nhà S, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn C sinh năm 1994 (theo giấy ủy quyền số 010401.22 ngày 17/02/2022) và ông Nguyễn Đăng N, sinh năm 1999 (theo giấy ủy quyền số 045116.23 ngày 12/5/2023); cùng địa chỉ: Tòa nhà P, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Đình Nguyễn Thanh T.

Địa chỉ: 71/11 N, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng) có ông Phạm Văn C trình bày:

Vào ngày 10/01/2020 giữa Ngân hàng và bà Trần Đình Nguyễn Thanh T có ký hợp đồng tín dụng số 3562654.20 ngày 10/01/2020 cho bà T vay số tiền 740.000.000; mục đích vay là mua xe, thời hạn vay 84 tháng từ ngày 11/01/2020 đến ngày 10/01/2027, hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 10 tây mỗi tháng trả số tiền 8.809.000 đồng, cuối tháng trả 8.853.000 đồng. trong quá trình vay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 251.523.954 đồng (trong đó nợ gốc 149.753.000 đồng, lãi 101.770.954 đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh vì vậy ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 10/7/2021.

Ngày 11/12/2020 bà T có làm đơn phát hành thẻ tín dụng H với hạn mức 74.000.000 đồng. Ngày cuối cùng khách hàng thanh toán khoản thẻ tín dụng là ngày 16/6/2021 số tiền nợ thẻ của bà T tạm tính đến ngày 21/3/2023 là 180.159.320 đồng.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng ký kết và theo đơn phát hành thẻ tín dụng H, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 11/4/2023 là 988.898.148 đồng trong đó: Nợ gốc là 590.247.000đồng, tiền lãi là 218.494.828 đồng, nợ thẻ tín dụng 180.156.320 đồng và yêu cầu tiếp tục tiền lãi phát sinh từ ngày 12/4/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật.

Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ông Nguyễn Đăng N trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Trần Đình Nguyễn Thanh T trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2023 là 1.020.386.677đồng trong đó: Nợ gốc là 590.247.000đồng, tiền lãi là 248.983.545 đồng, nợ thẻ tín dụng 181.156.332đồng và yêu cầu tiếp tục tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, tuy nhiên có trễ hạn thời hạn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 590.247.000; nợ thặng tín dụng 180.156.320 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

- Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Tranh chấp phát sinh giữa ngân hàng và bà T là tranh chấp xuất phát từ hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và bà T khi ký kết bà T ghi địa chỉ số 93/2 L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi xác minh địa chỉ thực tế bà T ở tại địa chỉ số 71/11 N, Phường L, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Về thủ tục vắng mặt: Bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo triệu tập của Tòa án. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 3562654.20 ngày 10/01/2020 cho bà T vay số tiền 740.000.000; mục đích là vay mua 01 xe ô tô; căn cứ đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3562654(1).20 ngày 10/01/2020 thì bà T đã nhận số tiền 740.000.000 đồng. Trong quá trình vay bà T đã trả được cho ngân hàng số tiền 251.523.954 đồng (trong đó nợ gốc 149.753.000 đồng, lãi 101.770.954 đồng). Ngày 11/12/2020 bà T cũng đã làm đơn phát hành thẻ tín dụng H với hạn mức 74.000.000 đồng. Xét việc bà T đã ký hợp đồng tín dụng và

đơn phát hành thẻ tín dụng H là có thật, phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bà T sau khi ký kết các hợp đồng trên và trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả cho Ngân hàng số còn thiếu là phù hợp có căn cứ chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4431629.20 ngày 10/01/2020 đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về lãi suất, theo hợp đồng tín dụng và đơn phát hành thẻ tín dụng H được ký kết giữa ngân hàng TMCP Q và bà Trần Đình Nguyễn Thanh T có thỏa thuận về lãi suất nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật các tổ chức tín dụng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP Q về yêu cầu bà Trần Đình Nguyễn Thanh T thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 26/7/2023 tổng số tiền 1.020.386.677đồng trong đó: Nợ gốc 590.247.000đồng, tiền lãi 248.983.545 đồng, nợ thẻ tín dụng 181.156.332đồng và yêu cầu tiếp tục tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[3] Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Buộc bị đơn bà Trần Đình Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 26/7/2023 tổng số tiền 1.020.386.677 đồng trong đó: Nợ gốc 590.247.000 đồng, tiền lãi 248.983.545 đồng, nợ thẻ tín dụng 181.156.332 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết. Thanh toán một lần ngay khi có bản án quyết định có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Trần Đình Nguyễn Thanh T phải chịu là 42.611.600 đồng.

Nguyên đơn ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 16.089.314 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0048291 ngày 12/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh